TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G
THÀNH PHỐ H

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST Ngày: 18/11/2020
V/v Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN H CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Hồng Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Lộc

2. Bà Trần Thị Ngọc Hân

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Chuẩn – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện G, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện G, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2x/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4x/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 3x/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Đ, xã L, H. G, TP. H.

- Bị đơn: Hồ Minh X, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Đ, xã L, H. G, TP. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 06 tháng 02 năm 2020 và bản tự khai; đơn yêu cầu thay đổi lời khai, nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Bà H và ông Hồ Minh X sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, H. G, Thành phố H. Trong quá trình sống

chung, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do ông X không có sự quan tâm gia đình, không có tiếng nói chung, dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Đồng thời trong thời gian này ông X có những khoản chi tiêu không hợp lý dẫn đến phải vay mượn. Bà H đã kH ngăn nhưng không được dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bản thân ông X cũng không thường xuyên ở nhà do đặc thù công việc và cũng không có sự quan tâm, chia sẽ với gia đình, vì những lý do đó cho nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông X.

Về con chung: Có hai người con chung là Hồ Minh Q, sinh ngày 25/01/2010 và Hồ Minh T, sinh ngày 20/01/2018. Từ khi sinh cho đến nay cả hai cháu sinh sống với bà H, hơn nữa, bản thân ông X không có nhà riêng hay nơi ở ổn định nên không thể lo và chăm sóc tốt cho hai con nên bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi, và không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, theo lời trình bày của cả hai cháu thì các cháu có nguyện vọng được sinh sống với bà X nếu cha mẹ các cháu ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà X trình bày không có.

Cùng với việc nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án chứng minh nhân dân và hộ khẩu của nguyên đơn (bản sao chứng thực); trích lục khai sinh của 2 con (bản sao); trích lục kết hôn (bản chính). Do tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và đã được chứng thực hợp pháp nên không cần chứng minh.

Bị đơn Hồ Minh X đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không có văn bản nêu ý kiến và cũng không đến tham gia tố tụng theo thông báo triệu tập hợp lệ của Tòa án.

Qua tiến hành xác minh nơi cư trú thì Công an xã L xác định ông X có đăng ký thường trú tại: ấp Đ, xã L, H. G, Thành phố H; Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà H với ông X nhưng không có kết quả.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông X nhưng ông vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà H. Ngày 12/8/2020 bà H có Đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Tại phiên toà bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn theo như đơn khởi kiện; đối với vấn đề con chung thì bà H có thay đổi lời khai như sau: Bà H vẫn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con nhưng bà H không tiếp tục yêu cầu ông X cấp dưỡng như trình bày trong đơn khởi kiện và lời khai ban đâu.

Ông Hồ Minh X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân H.G, thành phố H phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thực hiện đúng nội dung quy

định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 11/02/2020, Tòa án nhân dân H. G có thụ lý đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H, hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự, thủ tục nhận đơn khởi kiện đúng Điều 191 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân H.G đã thụ lý vụ án và phân công thẩm phán giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 19, Điều 195; Điều 196; Điều 197 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Quan hệ tranh chấp là "Ly hôn", bị đơn có nơi cư trú tại H.G, TP. H nên thẩm quyền thụ lý vụ án thuộc Tòa án nhân dân Huyện G theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

+ Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, xác minh nơi cư trú của đương sự đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Vụ án được thụ lý từ ngày 11 tháng 02 năm 2020, đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không có quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về hình thức và nội dung Quyết định đưa vụ án ra xét xử được thể hiện đầy đủ, việc gửi quyết định cho Viện kiểm sát, cũng như việc chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình là vi phạm các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Theo trình bày của bà H có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Tiến không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà H. Điều đó cho thấy, ông X đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý thức bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này.

Nhận thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, không thể dung hòa, hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu được ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Hồ Minh Q, sinh ngày 25/01/2010

và Hồ Minh T, sinh ngày 20/01/2018. Xét thấy bà H không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con; ông X không có nơi sinh sống rõ ràng, đồng thời vắng mặt không có ý kiến gì. Do đó để đảm bảo lợi ích về mọi mặt cho con theo qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao 02 con chung là cháu Hồ Minh Q và cháu Hồ Minh T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và có cơ sở, ghi nhận việc bà H thay đổi yêu cầu nội dung khởi kiện ban đầu về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn; bà H thay đổi nội dung về cấp dưỡng theo hướng không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh H về việc giải quyết cho ly hôn với ông Hồ Minh X. Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 31/3/2006 do UBND xã L, H.G cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hồ Minh Q và cháu Hồ Minh T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và có cơ sở, ghi nhận bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân H Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin ly hôn đối với ông Hồ Minh X. Ông X đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã L, H.G, thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện G, Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì:

Bà Nguyễn Thị Thanh H tham gia tố tụng với tư cách là nguyên

đơn. Ông Hồ Minh X tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Hồ Minh X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 3x ngày 31/3/2006 do Ủy ban nhân dân xã L, H.G, Thành phố H, do đó có đủ căn cứ xác định quan hệ

hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Hồ Minh X là hợp pháp, quyền lợi của các bên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông X: Bà H và ông X đã sống chung từ năm 2006. Theo bà H, trong thời gian sống chung với ông X, hai người thường xảy ra mâu thuẫn, lý do là ông X không có sự quan tâm, chăm sóc gia đình; hai người không có tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng hiện không còn nữa. Hơn nữa, trong thời gian này ông X có những khoản chi tiêu không hợp lý, bà H đã kH ngăn nhưng không được dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã; ông X cũng ít về thăm nom chăm sóc, quan tâm gia đình dù có thời gian.

Bản thân ông X mặc dù đã được Tòa án thông báo về nội dung vụ kiện và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông X không có ý kiến phản hồi, cũng như không có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án. Điều này chứng tỏ, hoặc là ông X không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn gia đình; không có mong muốn đoàn tụ để tiếp tục xây dựng cuộc sống hôn nhân, gia đình, hoặc là ông X đã bỏ bê, không quan tâm đến gia đình mình, bỏ mặc vợ con.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của hai đương sự nhưng không nhận được kết quả trả lời từ chính quyền địa phương.

Tòa án cũng đã xác minh tình trạng cư trú của ông X và được cơ quan có thẩm quyền địa phương cho biết là ông X đã bỏ địa phương đi từ tháng 3 năm 2020, và không rõ hiện nay ở đâu.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa bà H và ông X đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở để chấp nhận.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là Hồ Minh Q, sinh ngày 25/01/2010 và Hồ Minh T, sinh ngày 20/01/2018 cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi, và không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con; đồng thời các cháu cũng có lời trình bày là có nguyện vọng được sinh sống với bà H nếu cha mẹ các cháu ly hôn. Xét yêu cầu này là có cơ sở bởi trong thời gian qua ông X không thể hiện trách nhiệm của mình cũng như không quan tâm, lo lắng đến sự phát triển của các con. Xét cuộc sống của hai cháu Q và T hiện ổn định và cũng được bà H quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và tạo điều kiện để cho các cháu được phát triển về thể chất và tinh thần, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà H.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà H khai không có.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Do bà Nguyễn Thị Thanh H là người nộp đơn xin ly hôn đối với ông Hồ Minh X nên bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ vào các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh H đối với ông Hồ Minh X. Quan hệ hôn nhân của ông X và bà H chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai cháu Hồ Minh Q, sinh ngày 25/01/2010 và Hồ Minh T, sinh ngày 20/01/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hồ Minh X có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng; người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, bà Tiến phải tạo điều kiện để ông Tiến thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc con của mình.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2011/06795 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện G; bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng
- VKSND H.Cần Giờ, TP.HCM;
- THADS H. Cần Giờ, TP.HCM;
- UBND xã Long Hòa, H. Cần Giờ;
- Lưu: vp.hs.

Dương Hồng Khanh